

CL, ngày 23 tháng 06 năm 2022.

Số: 115/2022/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 06 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 04 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Phạm Văn T - sinh năm 1980 và bà Phan Thị T - sinh năm: 1982; cùng địa chỉ: ấp LV, xã TTg, huyện CL, tỉnh BT.

Bị đơn: Bà Võ Thị H - sinh năm 1969; địa chỉ: ấp LV, xã TTg, huyện CL, tỉnh BT.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn C - sinh năm 1967 và bà Trần Thị Thúy V - sinh năm 1963; cùng địa chỉ: ấp LV, xã TTg, huyện CL, tỉnh BT.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 479,2m², thuộc thửa 211, tờ bản đồ số 06, tọa lạc xã TTg xác lập ngày 03/11/2020 giữa ông T, bà T với ông C, bà V.

- Đình chỉ yêu cầu về việc chấm dứt hợp đồng thuê đất và nhà ở trên đất giữa ông T, bà T với bà H lập ngày 21/12/2020 đối với phần đất có diện tích 479,2m², thuộc thửa 211, tờ bản đồ số 06, tọa lạc xã TTg. Buộc bà H phải trả cho ông T, bà T tiền thuê nhà + đất mỗi tháng 6.300.000đ kể từ ngày 21/12/2020 - 21/02/2022 là 14 tháng với số tiền là 88.200.000đ (nguyên đơn rút đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý không ý kiến gì khác).

- Bà Võ Thị H đồng ý có trách nhiệm trả lại cho ông Phạm Văn T và bà Phan Thị T số tiền gốc + lãi là 200.000.000đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Ông T, bà T, ông C, bà V và bà H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Án phí: án phí DSST không có giá ngạch là 300.000đồng.

+ Bà T, ông T tự nguyện chịu 300.000đ án phí DSST không có giá ngạch. Số tiền ông T, bà T nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0006824, ngày 01/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL được khấu trừ sang tiền án phí. Hoàn trả cho ông T, bà T số tiền chênh lệch còn lại là 6.755.000đồng.

+ Bà H đồng ý chịu 2.5% tiền án phí DSST có giá ngạch của số tiền 200.000.000đ là 5.000.000đồng.

- Chi phí tố tụng: chi phí đo đạc, định giá là 4.113.000đồng (số tiền này ông T, bà T đã nộp xong). Số tiền này ông T, bà T tự nguyện chịu 2.113.000đ. Bà H sẽ có trách nhiệm trả lại cho ông T, bà T chi phí tố tụng là 2.000.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA + VP.

THẨM PHÁN

LÊ THỊ THÚY HẰNG

